

Bản án số: 51/2018/HS-ST

Ngày: 16/8/2018

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nghiêm Thị Lượng.

*Thẩm phán:* Nguyễn Ngọc Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đặng Thị Mai.

2. Ông Nguyễn Hải Đường.

3. Bà Vũ Thị Hằng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Trường Trung và ông Đinh Văn Khuyển –  
Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Huy  
Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 14 đến 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân  
tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:  
39/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử  
số: 130/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 07 năm 2018 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị T**, sinh năm 1970; HKTT: Số 19, tổ 3, cụm 5, phường L, quận  
B, thành phố Hà Nội; chỗ ở: phòng 80, nhà 18T L, phường N, quận T, thành phố  
Hà Nội; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa:  
12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1940 và bà  
Hoàng Thị H, sinh năm 1941; gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là thứ 4; có  
chồng là Nguyễn Xuân H, sinh năm 1977 và có 02 con, con lớn sinh năm 1998,  
con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bắt tạm giam từ ngày  
26/02/2016, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:* Ông Trịnh Sơn Đ – Luật sư  
thuộc văn phòng luật sư S – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

*\* Bị hại: (Gồm 387 người bị hại)*

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Gồm 28 người liên quan)*

*\* Người làm chứng: (Gồm 04 người làm chứng)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2014 đến tháng 10/2015, Nguyễn Thị T đã thành lập và làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, tổng giám đốc 03 công ty gồm: Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ V thành lập vào ngày 29/9/2014, có mục đăng ký “Kinh doanh thực phẩm chức năng”; Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và phát triển dịch vụ V thành lập vào ngày 19/9/2014, đăng ký kinh doanh có mục “bán lẻ của các đại lý được hưởng hoa hồng”, “kinh doanh thực phẩm chức năng”; Công ty Cổ phần đầu tư thương mại và phát triển V thành lập vào ngày 07/5/2015, đăng ký kinh doanh có mục “Kinh doanh thực phẩm chức năng”, “Bán lẻ của các đại lý được hưởng hoa hồng” và “Kinh doanh bán lẻ theo phương thức đa cấp”. Các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của 03 công ty, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp cho T đều quy định rõ: Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, 03 công ty của T không được Bộ Công thương cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Nghị định 42/2014/NĐ-CP ngày 14/5/2014 của chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp (Nghị định 42/2014). Đồng thời đối với mọi hoạt động kinh doanh, điều hành 03 Công ty đều do T trực tiếp thực hiện. Đến nay, 03 Công ty (gọi tắt là công ty Vi) do T thành lập chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về giải thể công ty. Quá trình hoạt động, Nguyễn Thị T có thuê những người làm việc trong Công ty Vi gồm: Anh Kiều Trung T làm Phó giám đốc Công ty Vi; anh Kiều Văn D và chị Phan Thị Kim Th làm theo dõi thu chi của công ty, kích hoạt mã người tham gia theo yêu cầu của T, theo dõi thống kê tiền hoa hồng từ hệ thống và lên danh sách trả tiền hoa hồng cho mọi người; chị Tăng Thị Q làm nhân viên quản lý kho, theo dõi hàng hóa nhập vào và xuất ra của công ty Vi.

Mặc dù công ty Vi không đăng ký kinh doanh bán lẻ theo phương thức đa cấp (từ tháng 9/2014 đến tháng 5/2015) và không được Bộ công thương cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp. Nhưng trong quá trình kinh doanh, Nguyễn Thị T đã có thủ đoạn gian dối, tổ chức quảng cáo, giới thiệu Công ty Vi được hoạt động kinh doanh đa cấp. Đồng thời, T đưa ra các chế độ, quy định hưởng hoa hồng, trả thưởng trực tiếp cho những người tham gia để lôi kéo mọi người nộp tiền vào Công ty Vi để T chiếm đoạt tài sản. Cụ thể hành vi

phạm tội của T được làm rõ như sau:

Để quản lý người nộp tiền tham gia vào công ty Vi và quản lý việc tính, trích trả hoa hồng cho người tham gia, Nguyễn Thị T đã thuê máy chủ server tại Công ty Cổ phần hạ tầng Viễn thông C, trụ sở tại Tầng 5, tòa nhà C, đường D, quận C, thành phố Hà Nội. Nguyễn Thị T thuê anh Nguyễn Tiến D làm người thiết kế, lập trình cài đặt 02 website hệ thống chạy trên nền Internet cho Công ty Vi là “Vi.com.vn” và “TVVP.com”, theo yêu cầu quy định của T. Trong đó website có chức năng quản lý thông tin người tham gia vào công ty Vi và cách sắp xếp cây, công thức tính hoa hồng cho những người tham gia theo mô hình nhị phân.

Công ty Vi của T hoạt động dưới hình thức, T ký hợp đồng đại lý để thông qua đó giới thiệu lôi kéo người tham gia nộp tiền mua mã sản phẩm trở thành cộng tác viên, để phân phối sản phẩm hoặc giới thiệu người tham gia trực tiếp nộp tiền tại Công ty. Để được ký hợp đồng trở thành cộng tác viên và hưởng các loại hoa hồng của Công ty Vi do T chi trả, thì người tham gia phải mua một mã sản phẩm của Công ty trị giá là 7.210.000đ (trong đó 220.000đ tiền mua tài liệu, 6.990.000đ gọi là tiền mua thực phẩm chức năng của Công ty). Sau đó cộng tác viên sẽ được Công ty Vi cấp cho 01 mã tài khoản trên hệ thống website của công ty, để Cộng tác viên biết được việc nộp tiền và theo dõi những ưu đãi trả thưởng hoa hồng cùng số tiền hoa hồng được nhận từ Công ty.

Việc hưởng hoa hồng của Cộng tác viên được T quy định như sau: Khi Cộng tác viên giới thiệu người khác hoặc tự mình bỏ tiền mua các mã sản phẩm khác để tham gia vào công ty thì các mã sản phẩm đó (F1) sẽ được cấy xuống dưới chân mã sản phẩm của cộng tác viên theo mô hình cây nhị phân được quản lý trên hệ thống website của Công ty Vi. Với mã sản phẩm giới thiệu được, cộng tác viên sẽ được hưởng tiền hoa hồng trực tiếp là 690.000 đồng từ tiền mỗi mã sản phẩm F1. Khi mỗi mã sản phẩm F1 của khách hàng đó, mà giới thiệu được các mã sản phẩm khác tham gia trực tiếp gắn dưới chân các mã sản phẩm F1 thì Cộng tác viên sẽ được hưởng hoa hồng mã rơi là 60.000đ/mã sản phẩm từ tầng 1 đến tầng 10 và 15.000đ/mã sản phẩm từ tầng 11 đến tầng 20. Khi hai nhánh của Cộng tác viên phát sinh thành tích cân cặp thì sẽ được hưởng tiền hoa hồng cân cặp 250.000đ/cặp. Ngoài ra, Nguyễn Thị T còn đưa ra các loại cấp bậc với nhiều ưu đãi đối với từng cấp bậc cho cộng tác viên như: Trưởng nhóm (02 nhánh đều có thành tích tối thiểu là 90) thưởng 80 triệu đồng; trưởng ban (có 2F1 lên trưởng nhóm) hưởng 1% doanh số hệ thống; trưởng phòng (2F1 ở 2 nhánh lên trưởng ban) hưởng 2% doanh số hệ thống; trưởng phòng cấp cao (có 3F1 ở 2 nhánh lên trưởng phòng) hưởng 3% doanh số hệ thống; giám đốc (có 3F1 ở 2 nhánh lên trưởng phòng cấp cao) hưởng 4% doanh số hệ thống; giám đốc cấp cao (có 4F1 ở 2 nhánh lên giám đốc) hưởng 5% doanh số hệ thống. Ngoài ra T

còn đưa ra chính sách hưởng hoa hồng khác như: hoa hồng gắn kết, phát triển chân thứ 3, tất cả các Cộng tác viên đều được hưởng 1% doanh thu hàng ngày của Công ty cho đến khi hoàn vốn 6.990.000đ/mã sản phẩm, hưởng hoa hồng mã rơi đến 20 tầng đối với các gói tham gia 21 mã, 70 mã, 130 mã sẽ được hưởng 2% doanh số toàn Công ty Vi. Theo thống kê từ hệ thống website của Công ty Vi thì T đã ra chính sách trả thưởng hoa hồng cao lên tới 56,43% doanh thu của Công ty Vi (trong khi nếu Công ty Vi được phép hoạt động kinh doanh đa cấp thì Nhà nước quy định Hoa hồng được chi tối đa là 40%).

Song song với việc trả hoa hồng, T còn đưa ra các chính sách trả thưởng, tri ân theo từng giai đoạn cho các Cộng tác viên với những thông báo đưa ra như: “Tặng doanh số bán hàng”, “Chương trình hỗ trợ khởi nghiệp”, “Chương trình du lịch biển: mùa hè sôi động 2015”, “gói đại lý”, “Thông báo lịch trình du xuân”, “chương trình hoàn vốn siêu tốc”, “chương trình tri ân năm 2015”, “gia hạn thưởng vàng đón xuân”, “trả thưởng”, “Chương trình Lễ trại đêm xuân năm 2015”, “Chương trình tôn vinh cộng tác viên khách hàng xuất sắc năm 2014”, “chương trình du lịch Thái Lan năm 2015”, “Chương trình thưởng phát triển cộng tác viên, khách hàng”, “Tặng chương trình tri ân”, “Tặng bảo hiểm Nhân thọ”. Tại các chương trình tri ân này Nguyễn Thị T đưa ra số lượng phần thưởng lớn như: Ô tô, xe máy, vàng, Ipad, thưởng đi du lịch Thái Lan, thưởng tiền tối đa khi người tham gia mua mã sản phẩm trong chương trình tri ân lên tới 245.520.000đ.

Việc Nguyễn Thị T đưa ra chính sách trả hoa hồng cao và những chương trình tri ân với nhiều phần thưởng lớn như trên, với mục đích đánh vào lòng tham của quần chúng nhân dân, để các cộng tác viên tích cực lôi kéo người khác tham gia phát triển các mã cây hệ thống dưới chân của mình nhằm hưởng nhiều hoa hồng và để cho T chiếm đoạt tiền của những người tham gia.

Việc nộp, giao tiền và kích hoạt mã khách hàng được T quản lý, thực hiện như sau: Khi khách hàng tham gia mua mã sản phẩm của Công ty Vi tại các đại lý hoặc mua trực tiếp tại Công ty, sẽ được cấp một bản hợp đồng cộng tác viên và một phiếu thu tiền. Sau đó nhân viên đại lý đó hoặc tại Công ty Vi sẽ lên website hệ thống tạo mã tài khoản đăng nhập vào website của Công ty cho người tham gia. Sau khi đăng ký được tài khoản người tham gia trên hệ thống của Công ty Vi, đến cuối ngày đại diện của các đại lý của công ty sẽ chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản Ngân hàng do T đăng ký hoặc giao tiền mặt cho T tương ứng với số mã đăng ký trên hệ thống website của Công ty Vi. Trong quá trình hoạt động, ngoài việc thu tiền trực tiếp của người tham gia thì T đã lập các tài khoản ngân hàng mang tên mình hoặc Công ty Vi, để mọi người khi tham gia chuyển tiền vào với tổng số tiền gần 20 tỷ đồng, cụ thể các tài khoản sau:

Tài khoản mang tên Nguyễn Thị T tại các ngân hàng:

- Ngân hàng A Chi nhánh T gồm các số tài khoản: 1305205177430, 1305205225869, 1305205225852, 1305205194974, 1305205222571, 1305205223988, 1305205223994, 1305205222565, 1305205219502, 1305205219519, 1305205199643.

- Ngân hàng A chi nhánh H có số tài khoản: 29032015091872.

- Ngân hàng V Chi nhánh B có số tài khoản 0611001663941.

- Ngân hàng Vi chi nhánh Hà Nội có số tài khoản: 5099000011049000.

Tài khoản ngân hàng của Công ty Vi do T là chủ tài khoản gồm:

- Ngân hàng V Chi nhánh Th có số tài khoản: 0451000322446, 0451000305051.

- Ngân hàng Vi Chi nhánh Hà Nội có số tài khoản: 5096000014769000, 5092000011959000.

Sau khi Nguyễn Thị T nhận đủ tiền mua mã sản phẩm, T thông báo cho anh Kiều Văn D hoặc chị Phan Thị Kim Th đăng nhập vào hệ thống website của công ty để kích hoạt các mã tài khoản của Cộng tác viên. Hàng tháng, T chi trả tiền hoa hồng cho các Cộng tác viên dựa theo cách tính hoa hồng trên hệ thống website quản lý của Công ty và chỉ đạo chị Phan Thị Kim Th và anh Kiều Văn D trích rút hoa hồng từ hệ thống và trình T ký duyệt xuất tiền chi trả hoa hồng một tháng hai lần. Số tiền hoa hồng chi trả cho cộng tác viên được đóng vào các phong bì của công ty Vi ghi số tiền và tên người nhận. Sau đó Nguyễn Thị T chuyển danh sách trả hoa hồng và tiền hoa hồng xuống từng Văn phòng đại lý của Công ty Vi hoặc người đại diện các Văn phòng đại lý trên trụ sở Công ty nhận tiền hoa hồng đem trả cho Cộng tác viên.

Thực hiện việc lôi kéo người tham gia và để lấy tiền người tham gia sau trả hoa hồng cho người tham gia trước và thực hiện chiếm đoạt tài sản. T đã tổ chức các buổi hội thảo lớn, hoành tráng tại Hà Nội và các văn phòng đại lý của công ty Vi ở các tỉnh, thành phố khác, để quảng cáo, giới thiệu cho mọi người cách thức đầu tư, tham gia và những lợi nhuận, hoa hồng có được khi tham gia vào công ty Vi. Trong các buổi hội thảo do T chủ trì, còn mời một số người tham gia và giới thiệu họ với những chức danh như: Luật sư Phạm Đình T, Tổng biên tập báo Bộ công thương là ông H, thư ký văn phòng chính phủ là ông Phạm Quang D..., nhưng thực chất những người này đều không giữ những chức vụ như vậy và T khai nhận cũng không biết họ là ai, ở đâu. Ngoài ra T còn đưa lên các hình ảnh chụp chung của T với các lãnh đạo nhà nước cấp cao như: ông Đ, ông Ph để tạo lòng tin cho người tham gia. Đồng thời, trong khi hội thảo T đã thuyết trình và trình chiếu slide là công ty Vi đã được cấp phép hoạt động kinh doanh đa cấp

làm cho mọi người càng tin tưởng nộp tiền tham gia. Do đó đến khi dừng hoạt động vào tháng 10/2015, công ty Vi đã phát triển được 4.770 mã sản phẩm.

Với việc kinh doanh của Nguyễn Thị T như trên, cục quản lý cạnh tranh – Bộ công thương đã có văn bản xác nhận công ty Vi đã hoạt động theo phương thức đa cấp và công ty Vi không được Cục quản lý cạnh tranh – Bộ công thương cấp phép kinh doanh bán hàng đa cấp. Đến cuối tháng 10/2015, Công ty Vi đã phát triển được 4.770 mã sản phẩm cùng với số lượng người tham gia rất lớn, thì Nguyễn Thị T ngừng hoạt động, không thực hiện chi trả tiền hoa hồng như đã cam kết và chiếm đoạt tiền của bị hại. Do vậy, các bị hại đã gửi đơn tố cáo hành vi phạm tội của Nguyễn Thị T đến Cơ quan CSĐT công an tỉnh Bắc Ninh.

Đến nay cơ quan điều tra đã tiếp nhận đơn tố cáo hoặc lấy lời khai được của 403 người. Trong đó làm rõ có 385 người là bị hại và 18 người liên quan được hưởng lợi. Cách tính tổng số tiền bị T chiếm đoạt như sau:

\* Số tiền T chiếm đoạt = Số tiền bị hại và người liên quan nộp mua mã sản phẩm – (Tổng tiền hoa hồng nhận + tổng giá trị thực tế mã sản phẩm đã nhận được + giá trị phần thưởng đã nhận + tiền tài liệu + tiền hoa hồng các đại lý được hưởng). Trong đó:

- Cơ quan điều tra đã làm việc với Công ty Cổ phần hạ tầng Viễn thông C, tiến hành thu giữ sao chép, thể chế đầy đủ dữ liệu trên hệ thống website của Công ty Vi, làm rõ cụ thể thông tin người nộp tiền mua mã sản phẩm, cùng tài khoản cây hệ thống và các loại hoa hồng tính theo từng mã họ đã nhận.

- Theo tài liệu quảng cáo của Công ty Vi có bán 07 loại thuốc tân dược, nhưng thực tế không được cấp phép bán. Kết quả điều tra làm rõ mã sản phẩm bán cho người tham gia gồm 15 loại hàng hóa thực phẩm chức năng. Do Công ty Vi quy ước 01 mã sản phẩm được cộng tổng hợp các sản phẩm chức năng, nên tính giá trị một mã sản phẩm bằng giá trị trung bình của tất cả các tổ hợp mã sản phẩm đó. Theo kết luận định giá số 1488 ngày 29/12/2016, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Bắc Ninh đã kết luận trị giá 15 loại thực phẩm chức năng. Nên chia giá trị trung bình của 15 loại thực phẩm chức năng thì mỗi mã sản phẩm có giá trị là 490.000đ.

- Phần thưởng người bị hại nhận được tính theo giá trị tài sản tại thời điểm mua vào gồm: 01 chỉ vàng giá 3.300.000đ, 01 điện thoại giá 3.000.000đ, 01 máy tính bảng 5.000.000đ, 01 Ipad 10.000.000đ, 01 xe máy Honda Vision 30.000.000đ và xong nôi, chảo đều có giá 300.000đ/chiếc.

- Tiền tài liệu (Starkit) có giá trị 220.000đ/mã sản phẩm.

- Tiền hoa hồng đại lý theo hợp đồng ký kết, T trả cho các đại lý là 200.000đ/mã sản phẩm đăng ký của đại lý.

(1) Đối chiếu cùng với dữ liệu thông tin người tham gia trong hệ thống website của công ty Vi, đã xác định mã tài khoản của 385 bị hại như sau: Số tiền 385 bị hại nộp mua 2596 mã sản phẩm là 18.424.950.000đ – (tiền hoa hồng bị hại nhận là 5.793.727.000đ + Giá trị hàng hóa bị hại nhận theo kết luận định giá là 1.261.260.000đ + Phần thưởng bị hại nhận có giá trị 290.550.000đ + Tài liệu nhận 2596 Starkit x 220.000đ = 571.120.000đ) = số tiền bị thiệt hại là 10.589.293.000đ.

(2) Về 18 người liên quan sau khi tham gia đã tích cực phát triển mã cây hệ thống của mình, giới thiệu được nhiều người khác tham gia và đạt các cấp lãnh đạo trong hệ thống được hưởng nhiều hoa hồng, tiền thưởng từ Công ty Vi. Với tổng số tiền 18 người liên quan được hưởng lợi là: (tổng tiền hoa hồng nhận là 2.735.795.000đ + tổng giá trị hàng hóa nhận theo kết luận định giá là 114.660.000đ + phần thưởng nhận có giá trị 48.150.000đ + Tài liệu nhận 234 Starkit x 220.000đ = 51.480.000đ) – số tiền nộp mua 234 mã sản phẩm là 1.694.200.000đ = 1.255.885.000đ.

(3) Tiền hoa hồng đại lý theo Hợp đồng ký kết, T trả cho các đại lý là 200.000đ/mã sản phẩm đăng ký của đại lý. Do người mua sản phẩm có người khai đã nộp tiền trực tiếp cho công ty Vi, có người khai nộp thông qua người khác và hệ thống cây không lập trình theo dõi việc nộp tiền mua mã sản phẩm của từng đại lý. Do vậy chấp nhận, lời khai của T về việc chi trả hoa hồng đại lý của 2830 mã sản phẩm x 200.000đ = 566.000.000đ

Tổng cộng theo cách tính và các dữ liệu nêu trên thì tổng số tiền T chiếm đoạt là 20.119.150.000đ – (8.529.522.000đ + 1.375.920.000đ + 257.700.000đ + 622.600.000đ + 566.000.000đ) = **8.767.408.000đ**.

Tại cơ quan điều tra, các bị hại và người liên quan đều khai nhận, do tin tưởng việc Nguyễn Thị T giới thiệu, quảng cáo Công ty Vi được phép hoạt động kinh doanh bán hàng đa cấp. Nên đã nộp tiền tham gia mua mã sản phẩm trở thành cộng tác viên để được hưởng các hoa hồng và sử dụng sản phẩm theo như cam kết của T.

\* Ngoài ra trên cơ sở thông tin người tham gia có trên hệ thống website của công ty Vi, cơ quan điều tra đã triệu tập gọi hỏi, xác minh hoặc ra quyết định ủy thác điều tra cho Cơ quan CSĐT Công an các địa phương khác tiến hành kiểm tra. Kết quả như sau:

- Có 152 người có tên trên hệ thống khai nhận cho người khác mượn chứng minh thư nhân dân tham gia hoặc không có đề nghị gì đối với Nguyễn Thị T .

- Có 255 người có tên trên hệ thống được Cơ quan điều tra triệu tập nhưng không lên làm việc hoặc có biên bản xác minh tại địa phương theo địa chỉ trên

hệ thống nhưng không xác minh được danh tính của người đó.

- Có 230 người không rõ địa chỉ nên Cơ quan điều tra không triệu tập được. Một số người ở các tỉnh khác đến nay chưa có công văn trả lời thông báo kết quả ủy thác.

Để đảm bảo quyền lợi của người bị hại, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đã thông báo trên thông tin đại chúng gồm các báo, đài truyền hình đề nghị những bị hại của Công ty Vi đến Cơ quan điều tra trình báo để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Về số tiền của người tham gia nộp vào công ty Vi, Nguyễn Thị T khai nhận một phần sử dụng vào chi hoạt động công ty, in mua tài liệu, mua hàng hóa, trả hoa hồng, phần thưởng cho mọi người như trên. Còn lại Nguyễn Thị T chiếm đoạt đầu tư sang Công ty I do Phạm Thanh H làm chủ tịch HĐQT. Hiện Phạm Thanh H bị cơ quan CSĐT Công an thành phố Hà Nội khởi tố về tội “Kinh doanh trái phép” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đến nay làm rõ Nguyễn Thị T đầu tư sang Công ty I 25 hợp đồng với số tiền nộp vào là 11.625.000.000đ, số tiền T nhận lại từ H là 2.061.000.000đ. Nên số tiền T bị H chiếm đoạt là 9.564.000.000đ. Trong số tiền đầu tư sang công ty I trên, Nguyễn Thị T khai gồm có tiền cá nhân do bán nhà ở số 19 L, quận B, thành phố Hà Nội được khoảng 02 tỷ đồng và số tiền chiếm đoạt được từ Công ty Vi chuyển sang.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội như trên. Việc quản lý, hoạt động kinh doanh của Công ty Vi đều do T thực hiện, không liên quan đến người khác và T cũng không trao đổi, bàn bạc hoặc chi tiền chiếm đoạt cho ai khác. Ngoài ra thu khai nhận và đề nghị được giảm trừ số tiền chiếm đoạt đã chi vào các hoạt động sau: Chi lương, hoạt động văn phòng công ty là 150 triệu đồng/ tháng x 14 tháng là 2.100.000.000đ; chi hội thảo 200 triệu đồng/ tháng x 14 lần là 2.800.000.000đ; chi tham quan du lịch 320 triệu đồng/ quý x 4 lần là 1.280.000.000đ. Nhưng xét thấy số tiền chi này không có hóa đơn chứng từ chứng minh hoặc nếu có chi thì cũng là từ số tiền bị T chiếm đoạt, sau đó sử dụng chi phục vụ cho mục đích hoạt động, lôi kéo người tham gia vào công ty của T để chiếm đoạt tiền. Nên không có cơ sở chấp nhận giảm trừ các khoản tiền trên theo đề nghị của T.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của công ty Vi và Nguyễn Thị T: 01 con dấu của công ty Vi và 01 con dấu chức danh Chủ tịch HĐQT mang tên Nguyễn Thị T; số tiền 300.000.000đ do gia đình T tự nguyện nộp khắc phục hậu quả.

Cơ quan điều tra thu giữ 25.230.000đ tiền hưởng lợi do 02 người liên quan là ông Lê Đình B và bà Lê Thị L tự nguyện giao nộp.

Tại Bản cáo trạng số 47/CTr – VKS – P3 ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Do bị cáo tin tưởng vào ông Đoàn Tăng H và Đoàn Kim Ph giới thiệu với bị cáo là Luật sư, tư vấn cho bị cáo về việc thành lập Công ty, đăng ký kinh doanh nên nghĩ rằng việc kinh doanh như vậy là hợp pháp. Bị cáo đề nghị ngoài số tiền CQĐT đã trừ đi như tiền hoa hồng, giá trị hàng hóa..., đề nghị xem xét trừ tiếp cho bị cáo các khoản tiền chi cho hoạt động của Công ty như tiền trả lương cho nhân viên, văn phòng, chi phí hội thảo, đi du lịch vì khoản tiền này cũng là tiền bị cáo T của người bị hại và tương đối lớn hàng tỷ đồng. Hiện nay bị cáo bệnh tật, ốm đau, gia đình có nợ được 300 triệu để bồi thường cho bị hại. Do vậy đề nghị HĐXX xem xét chiều cõ, giảm nhẹ.

Đa số những bị hại có mặt tại phiên tòa đều khai về số tiền bị cáo chiếm đoạt như số liệu CQĐT đã thu thập được thể hiện trên hệ thống website của Công ty Vi và tài khoản của các bị hại là đúng và yêu cầu bị cáo phải trả lại. Riêng chị Hoàng Thị Bích Ng (bị hại STT 333) khai: CQĐT kết luận chị mua 34 mã sản phẩm là còn thiếu, vì chị mượn chứng minh thư đứng tên của người khác mua rất nhiều. Chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị 100 triệu, không nhất trí với số tiền còn lại là 16.730.000đ như thể hiện trên hệ thống website của Công ty.

Tại phiên tòa, một số bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường và tự nguyện giảm một phần bồi thường cho bị cáo gồm: Ông Nguyễn Văn Đ (STT 65) chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường trả lại 70.000.000đ/102.070.000đ; ông Nguyễn Văn Tr (STT 63) yêu cầu bị cáo bồi thường 3.000.000đ/4.420.000đ; Bà Phan Thị Nh (STT 262) yêu cầu bồi thường 3.250.000đ/6.500.000đ. Ông Vũ Duy D (STT 270) tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường 6.500.000đ. Bà Doãn Thị H (STT 350) tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường 9.138.000đ. Tại phiên tòa ông Hoàng Quốc L (STT 214) trình bày và xuất trình hóa đơn của Công ty Vi thu của vợ ông là bà Ng 01 mã sản phẩm 7.210.000đ, vợ ông chưa được nhận lại tiền và đề nghị bị cáo phải hoàn trả. Bị cáo T nhất trí thỏa thuận trả lại ông L số tiền của ông L và vợ ông L tổng cộng là 62.130.000đ. Tại phiên tòa một số bị hại mới có tên trong danh sách bị hại CQĐT chưa làm việc được đến phiên tòa gồm ông Đoàn Văn Ph, bà Nguyễn Thị H và bà Trần Thị Th có yêu cầu được tham gia tố tụng và xuất trình hóa đơn, giấy tờ thể hiện mua sản phẩm của Công ty Vi. Sau khi xem xét, bị cáo và những bị hại trên đã tự nguyện thỏa thuận: Bị cáo bồi thường trả lại ông Ph 62.850.000đ, bà Dương Thị Đ (vợ ông Ph)

6.500.000đ, bà H 6.500.000đ, bà Trần Thị Th 60.000.000đ (tổng cộng 4 bị hại mới là 135.850.000đ). Tại phiên tòa, một số bị hại xác nhận có nhận một số tài sản nhưng chưa trừ tiền trên hệ thống, các bị hại đồng ý trừ đi trong tổng số tiền còn lại, cụ thể gồm: Chị Nguyễn Thị L (STT 100) nhận được 01 chiếc điện thoại trị giá 3.000.000đ, do vậy bị cáo còn phải bồi thường là  $197.083.000đ - 3.000.000đ = 194.083.000đ$ . Ông Vũ Cao Th (STT 99) nhận được 01 chiếc Ipat trị giá 10.000.000đ và 01 điện thoại trị giá 3.000.000đ, tổng cộng là 13.000.000đ, do vậy bị cáo còn phải bồi thường là  $187.360.000đ - 13.000.000đ = 174.360.000đ$ . Bà Nguyễn Thị Th (STT 209) nhận được 01 chiếc Ipat trị giá 10.000.000đ, do vậy bị cáo còn phải bồi thường là  $105.600.000đ - 10.000.000đ = 95.600.000đ$ . Ông Nguyễn Hữu Ph (STT 225) thừa nhận đã nhận một số tài sản theo ông tính toán bị cáo chỉ còn phải bồi thường cho ông 9.000.000đ (trên hệ thống thể hiện của ông còn là 45.580.000đ).

Một số bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, còn lại đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người có nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa: Ông B, ông T1, ông D khai có mua sản phẩm của Công ty Vi, số tiền các ông được nhận lời ra các ông đề nghị giải quyết theo pháp luật. Riêng ông B chỉ còn 4.180.000đ số tiền lời ra, ông nhất trí nộp lại.

Anh H1 (chồng bị cáo) trình bày: Gia đình anh đã nộp bồi thường thay cho bị cáo 300 triệu tại CQĐT. Hiện bố con anh phải đi ở thuê vì nhà bị cáo đã bán nhà lấy tiền đầu tư sang cho ông H nên hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn. Việc làm ăn của vợ, anh không được biết. T có tham gia cứu người hàng xóm trong vụ cháy và bố bị cáo có Huân chương kháng chiến nên đề nghị HĐXX xem xét, chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo từ 15 đến 17 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có 16 người bị hại không yêu cầu bồi thường, nên cần buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ cho 367 người bị hại theo danh sách và thỏa thuận giữa bị cáo với một số bị hại tại phiên tòa. Tạm giữ số tiền 300.000.000đ và 25.230.000đ do ông B, bà L nộp để bảo đảm thi hành án. Truy thu số tiền của 20 người liên quan và tiền lương của 5 nhân viên Công ty để bồi thường cho bị hại. Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu của Công ty Vi.

Bào chữa cho bị cáo, Luật sư phát biểu ý kiến: Nhất trí với tội danh như Cáo trạng truy tố. Đề nghị HĐXX xem xét do bị cáo nhận thức hạn chế về điều kiện kinh doanh đa cấp và tin tưởng vào người tư vấn nên phạm tội. Bị cáo có

nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường 300 triệu; bị cáo cứu người trong đám cháy có xác nhận của địa phương; hiện nay hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, 2 con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính; bố bị cáo được thưởng Huân chương kháng chiến và hiện bị cáo có nhiều bệnh tật; các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, nên đề nghị HĐXX áp dụng điểm b, p, n khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 phạt bị cáo hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX trừ tiếp cho bị cáo số tiền người liên quan, người được hưởng lương, người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Bị cáo nhất trí với bào chữa của Luật sư. Bị cáo xin lỗi những bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất để sớm trở về làm ăn bồi thường cho bị hại.

Những bị hại gồm: Anh Q, ông L, ông M, ông Ti, bà Oa, chị H đều có ý kiến hình phạt VKS đề nghị là quá cao, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo để sớm trở về làm ăn và bồi thường. Những người còn lại đề nghị xét xử theo pháp luật.

VKS đối đáp: Bị cáo không đủ điều kiện áp dụng điểm n khoản 1 Điều 46 BLHS. Các vấn đề còn lại VKS giữ nguyên quan điểm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị T hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những bị hại và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2014 đến tháng 10/2015, Nguyễn Thị T đã thành lập và làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc 03 công ty gồm: Cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ V, Công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển dịch vụ V và Công ty cổ phần đầu tư thương mại và phát triển V(gọi tắt là Công ty Vi). Mặc dù các công ty này của T không được Bộ Công thương cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định tại Nghị định 42/2014 của Chính Phủ, nhưng trong quá trình hoạt động kinh doanh, Nguyễn Thị T đã tổ chức các hội thảo tuyên truyền, quảng cáo việc các công ty của T được cấp phép hoạt động kinh doanh bán hàng theo phương thức đa cấp. Ngoài ra, trong các cuộc hội thảo, Nguyễn Thị T còn chỉ đạo giới thiệu sai sự thật về người tham gia thành lập công ty Vi với những chức danh như; Luật sư, Tổng biên tập báo Bộ công thương, Thư ký văn phòng Chính phủ ..., trình chiếu các hình ảnh chụp chung của T với các lãnh đạo Nhà nước và tạo các chính sách

trả hoa hồng, những chương trình tri ân với nhiều phần thưởng lớn để tạo sự tin tưởng và đánh vào lòng tham của những bị hại để họ tham gia nộp tiền mua mã sản phẩm trở thành cộng tác viên của Công ty và khuyến khích việc lôi kéo người khác tham gia mua mã sản phẩm theo quy định của Công ty. Thực chất hoạt động kinh doanh của T là dụ dỗ, lôi kéo, vận động người khác tham gia mua mã sản phẩm để lấy tiền người sau trả cho người trước và chiếm hưởng các loại tiền hoa hồng theo mô hình kim tự tháp do T lập ra và quy định. Đối với 2 người bị hại là Bà Lê Thị T2 (số TT 103) nhận thừa so với số tiền mua 118 mã sản phẩm là 18.600.000đ; ông Vũ Đình Đ (STT 290) nhận thừa so với số tiền mua 03 mã sản phẩm là 160.000đ, do vậy không bị thiệt hại, nên không xác định 02 người này là bị hại mà cần bổ sung vào người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để thu hồi lại số tiền thừa. Theo tính toán, số tiền bị cáo chiếm đoạt của 383 bị hại là: Tổng tiền mua mã sản phẩm của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 20.119.150.000đ – (tổng số tiền hoa hồng T chi trả bị hại và người liên quan: 8.529.522.000đ + Tổng số tiền hàng bị hại và người liên quan nhận: 1.375.920.000đ + Tổng số tiền tài sản bị hại và người liên quan được nhận: 257.700.000đ + Tổng số tiền tài liệu: 622.600.000đ + Tiền hoa hồng Đại lý hưởng: 566.000.000đ) = **8.767.408.000đ (theo con số Cáo trạng)**. Tại phiên tòa, một số bị hại mới (có tên trong danh sách bị hại CQĐT chưa làm việc được) xuất trình căn cứ chứng minh và được bị cáo thừa nhận số tiền chiếm đoạt gồm ông Ph, bà Đ (vợ ông Ph), bà H và bà Th, tổng số tiền của 4 người này là **135.850.000đ**. Đồng thời cũng tại phiên tòa một số bị hại thừa nhận họ đã nhận được một số tài sản quy ra tiền nên cần trừ đi trong số tiền bị cáo chiếm đoạt gồm: Ông Th 13.000.000đ, chị L 3.000.000đ, bà Th 10.000.000đ, ông Ph 36.580.000đ, tổng cộng là 62.580.000đ. Như vậy căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo tính toán thì số tiền bị cáo chiếm đoạt của 387 bị hại là: **{8.767.408.000đ + 135.850.000đ (4 bị hại mới)} – 62.580.000đ (số tài sản quy ra tiền của bị hại thừa nhận) = 8.840.678.000đ** (cách tính số tiền chiếm đoạt theo phụ lục số 01 kèm theo Bản án).

Với hành vi trên, đủ căn cứ xét xử bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2]. Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm thiệt hại tới kinh tế của rất nhiều gia đình bị hại, gây dư luận xấu và ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự trị an, xã hội. Bị cáo đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo với nội dung gian dối nhằm tạo lòng tin, lợi dụng tâm lý háms lợi của người dân để lôi kéo nhiều người tham gia, bị cáo chiếm đoạt của 387 bị hại với số tiền lớn trên 08 tỷ đồng nên phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội nhiều lần” quy định tại

ddiemr g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội bị cáo đã tác động gia đình để nộp 300.000.000đ bồi thường một phần cho những người bị hại, mặc dù số tiền nộp so với số tiền chiếm đoạt là nhỏ, tuy nhiên hiện gia đình bị cáo đang đi ở thuê nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đều thành khẩn nhận tội; ăn năn hối cải về hành vi của mình; tại phiên tòa, một số người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bố bị cáo được thưởng Huân chương kháng chiến. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 bộ luật hình sự. Do vậy khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, HĐXX thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục và cải tạo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thị T mặc dù bị quy kết trách nhiệm hình sự với khoản tiền chiếm đoạt là **8.840.678.000đ** (đã trừ số tiền hưởng lợi của của 20 người liên quan là **1.274.645.000đ** – theo phụ lục số 02 kèm theo bản án và tiền hoa hồng đại lý là **566.000.000đ**). Tuy nhiên, để bảo đảm quyền lợi cho những người bị hại cần buộc bị cáo phải bồi thường với tổng số tiền là: **8.840.678.000đ + 1.274.645.000đ + 566.000.000đ = 10.681.323.000đ** (theo phụ lục số 01 kèm theo bản án).

Đối với những người liên quan được hưởng lợi từ hành vi trái pháp luật của bị cáo (thực chất đây là số tiền của những người bị hại) lẽ ra sẽ phải thu hồi lại sung ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, nếu vừa sung ngân sách vừa lại buộc bị cáo phải bồi thường thì sẽ không đảm bảo quyền lợi của bị cáo và bị hại. Để thuận lợi cho việc thi hành án và theo pháp luật dân sự thì giao dịch dân sự trái pháp luật bị vô hiệu thì phải trở lại nguyên trạng, do vậy cần thu hồi lại toàn bộ số tiền của người liên quan nhận nhiều hơn số tiền bỏ ra mua sản phẩm và toàn bộ tiền lương của những người của Công ty Vi để trả lại bị cáo để bị cáo bồi thường cho bị hại.

Tiền bồi thường cho người bị hại được tính như sau: Số tiền được bồi thường = Tiền bị hại nộp mua mã sản phẩm – (Tiền hoa hồng được nhận + giá trị thực tế mã sản phẩm đã nhận được + giá trị phần thưởng được nhận (nếu có) + tiền tài liệu (220.000đ/mã SP).

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Tr (Bị hại STT 63) tự nguyện chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 3.000.000đ/4.420.000đ. Bà Phan Thị Nh (bị hại STT 262) tự nguyện yêu cầu bị cáo bồi thường 3.250.000đ/6.500.000đ. Ông Nguyễn Văn Đ (bị hại STT 65) tự nguyện chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường 70.000.000đ/102.070.000đ. Bà Doãn Thị H (STT 350) có đơn tự nguyện không

yêu cầu bị cáo bồi thường 9.138.000đ. Ông Vũ Duy D (STT 271) có đơn tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường 6.500.000đ. **Tổng cộng 5 bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tổng số tiền là 52.378.000đ.**

Đối với ông Hoàng Quốc L (STT 215) có xuất trình tại phiên tòa 01 biên lai vợ ông là bà Ng có mua 01 mã sản phẩm 7.210.000đ nhưng chưa nhận được hoa hồng, hàng và tài liệu. Tại phiên tòa ông L và bị cáo thỏa thuận bồi thường số tiền của bà Ng cho ông L, như vậy số tiền của ông L được bồi thường là:  $54.920.000đ + 7.210.000đ = 62.130.000đ$ .

Như vậy bị cáo còn phải bồi thường tổng số tiền là: **10.681.323.000đ - 52.378.000đ + 7.210.000đ = 10.636.155.000đ.** (Số tiền bồi thường đối với từng bị hại được tính cụ thể theo phụ lục số 01 kèm theo bản án). Xác nhận bị cáo đã nộp 300.000.000đ để bồi thường dân sự và 25.230.000đ của người liên quan là bà Lê Thị L và ông Lê Đình B tự nguyện nộp cho CQĐT số tiền hưởng lợi, tổng cộng là: 325.230.000đ, bị cáo tiếp tục phải bồi thường **10.636.155.000đ - 325.230.000đ = 10.310.925.000đ.**

Đối với một số người liên quan tư vấn thành lập Công ty, lập và quản lý trang website, giúp T tổ chức hội thảo và nhân viên của Công ty, Tòa án đã trả hồ sơ xem xét dấu hiệu đồng phạm, tuy nhiên CQĐT, VKS thấy không có dấu hiệu phạm tội đồng phạm nên không truy tố, do vậy HĐXX không xem xét.

[4]. Về vật chứng:

\* Đối với số tiền được hưởng lợi của 20 người hưởng lợi từ hệ thống: Thấy rằng số tiền trên được chi trả từ nguồn tiền do hành vi phạm tội của Nguyễn Thị T mà có. Thực chất đây là số tiền T chiếm đoạt của người bị hại như đã phân tích ở trên nên cần thu hồi trả lại cho Nguyễn Thị T để sử dụng bồi thường cho những người bị hại. Tuy nhiên, do bà L đã chết nên không thu hồi, còn lại cần buộc 19 người liên quan trả lại cho Nguyễn Thị T tổng số tiền là **1.274.645.000đ - 17.470.000đ (của bà L đã chết nên không thu hồi) = 1.257.175.000đ (phụ lục số 02 kèm theo Bản án)**

Số tiền hưởng lợi phải nộp được tính theo công thức sau: Tiền hưởng lợi = (Tiền hoa hồng được nhận + giá trị hàng hóa được nhận + phần thưởng được nhận + Tài liệu được nhận) – số tiền nộp mua mã sản phẩm.

Xác nhận ông Lê Đình B đã nộp 14.820.000đ/19.000.000đ, còn phải nộp 4.180.000đ; bà Lê Thị L đã nộp 10.410.000đ/18.110.000đ, còn phải nộp 7.700.000đ.

\* Đối với số tiền hoa hồng của các đại lý là 2830 mã sản phẩm x 200.000đ = 566.000.000đ cũng là tiền do hành vi phạm tội mà có lẽ ra cũng cần phải thu lại. Tuy nhiên, theo các lời khai của các thành viên đại lý thì số tiền trên một

phần được sử dụng để duy trì hoạt động các đại lý và hiện tại không xác định được cụ thể ai được hưởng lợi từ số tiền này nên không có căn cứ để thu hồi, số này bị cáo phải chịu trách nhiệm.

\* Đối với số tiền lương thưởng của các nhân viên công ty Vi: Thấy rằng số tiền chi trả lương, thưởng chi trả cho nhân viên công ty được Nguyễn Thị T lấy từ nguồn tiền do hành vi phạm tội mà có nên cần buộc những người này trả lại cho Nguyễn Thị T để sử dụng bồi thường cho người bị hại, cụ thể:

1. Anh Kiều Trung T nộp lại 5.500.000đ/tháng x 06 tháng = 33.000.000đ
2. Anh Kiều Văn D nộp lại 5.500.000đ/tháng x 12 tháng = 66.000.000đ
3. Chị Phan Thị Kim Th nộp lại 5.500.000đ/tháng x 12 tháng = 66.000.000đ
4. Anh Ngô Văn V nộp lại 5.000.000đ/tháng x 12 tháng = 60.000.000đ
5. Chị Tăng Thị Q nộp lại 4.000.000đ/tháng x 11 tháng = 44.000.000đ

Tổng cộng 5 người là: 269.000.000 đồng.

\* Về các vật chứng khác: Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu của công ty Vi; Tạm giữ 325.230.000đ để đảm bảo thi hành án.

\* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106, 136, 329 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 26/02/2016.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để bảo đảm thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự 1999; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải bồi thường cho 385 bị hại tổng số tiền **10.636.155.000 đồng**, xác nhận bị cáo đã nộp 300.000.000 đồng và 25.230.000 đồng của ông Lê Đình B và bà Lê Thị L nộp trả cho bị cáo, bị cáo tiếp tục phải bồi thường là **10.310.925.000 đồng**. *(Cụ thể gồm danh sách bồi thường cho 385 bị hại và công nhận không yêu cầu bồi thường của 02 bị hại).*

*Kể từ ngày bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu một khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### 3. Về vật chứng:

\* Buộc 19 người được hưởng lợi từ công ty Vi phải nộp lại số tiền được hưởng lợi với tổng số tiền là **1.257.175.000 đồng** trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T.

\* Buộc 05 nhân viên của công ty Vi phải nộp lại tiền lương, thưởng tổng cộng 269.000.000 đồng trả lại cho bị cáo T

\* Tịch thu tiêu hủy 01 con dấu của Công ty Vi. Tạm giữ số tiền 325.230.000 đồng để bảo đảm thi hành án.

4. Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 118.311.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- CQCSĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo; Bị hại; đương sự;
- Lưu HS; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nghiêm Thị Lượng**